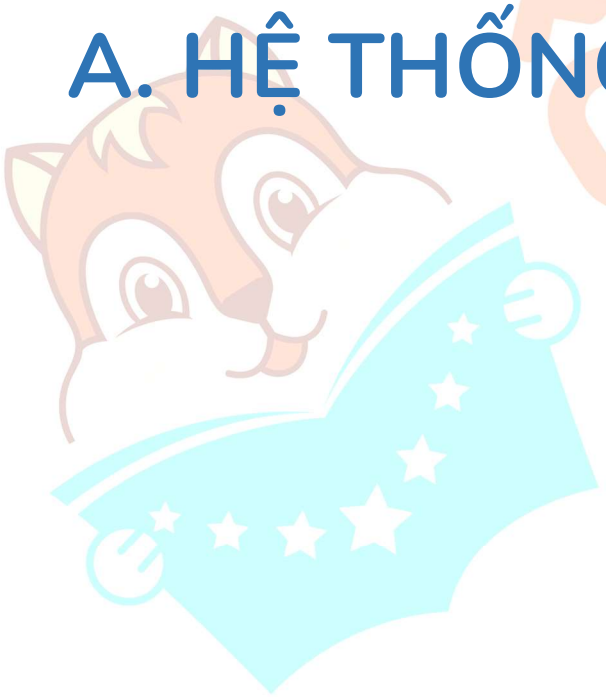
MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 2	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	16
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	18
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	20
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	22
ĐỀ SỐ 5 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	11	24
ĐỀ SỐ 6 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	13	26

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền sau của số tròn chục nhỏ nhất là:

A. 9 **B.** 10 **C.** 11 **D.** 12

Câu 2. Cho dãy số: 2 ; 7 ; 12 ; 17 ; 22 ; ..... ; ..... Hai số tiếp theo trong dãy là:

A. 27 ; 32 **B.** 26 ; 30 **C.** 23 ; 24 **D.** 27 ; 33

Câu 3. Số thích hợp để điền vào dấu "?" là:



A. 71 **B.** 90 **C.** 63 **D.** 54

Câu 4. Lan hái được 24 bông hoa, Liên hái được nhiều hơn Lan 16 bông hoa. Vậy Liên hái được số bông hoa là:

A. 8 bông hoa **B.** 39 bông hoa **C.** 40 bông hoa **D.** 18 bông hoa

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

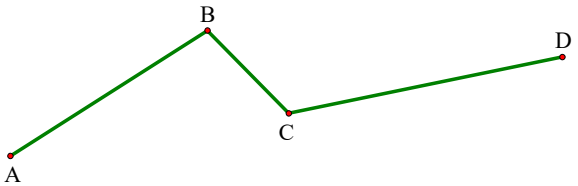
7 dm + 13 dm = ... dm.

Câu 6. Sắp xếp các phép tính sau theo thứ tự từ phép tính có kết quả bé đến phép tính có kết quả lớn: 8 + 7 ; 14 – 7 ; 10 – 5 ; 4 + 7

A. 14 – 7 ; 10 – 5 ; 4 + 7 ; 8 + 7 **B.** 10 – 5 ; 4 + 7 ; 8 + 7 ; 14 – 7

C. 8 + 7 ; 4 + 7; 14 – 7 ; 10 – 5 **D.** 10 – 5 ; 14 – 7 ; 4 + 7 ; 8 + 7

Câu 7. Cho đường gấp khúc ABCD (như hình vẽ), biết AB = 13 cm; CD = 17 cm, đoạn thẳng BC ngắn hơn đoạn thẳng AB là 7 cm. Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.



A. 36 cm **B.** 50 cm **C.** 6 cm **D.** 37 cm

Câu 8. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số với số nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 89 **B.** 80 **C.** 79 **D.** 78

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

45 – 17 36 + 14 71 – 35 48 + 46

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

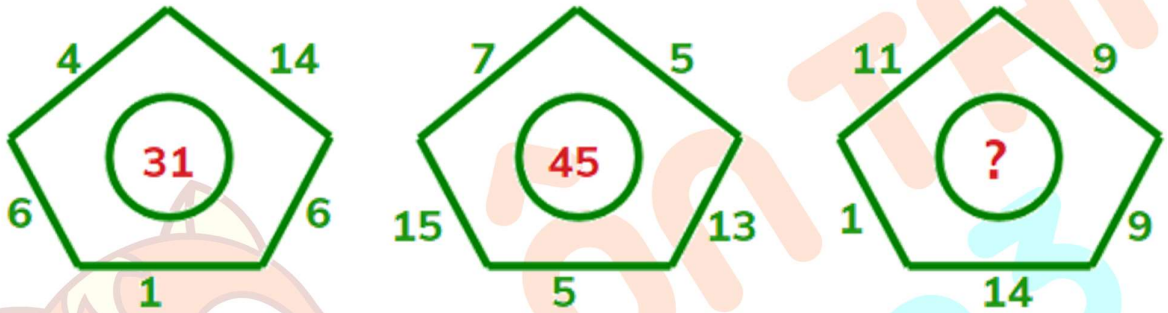
6 dm + 17 cm – 2 dm = ... cm

54 kg + 38 kg – 20 kg = ... kg

32 *l* + 17 *l* – 23 *l* = ... *l*

Bài 3. Trong một bữa tiệc tri ân gặp mặt thầy cô, nhà trường yêu cầu sắp xếp ghế để tổ chức bữa tiệc, hàng thứ nhất có số ghế là số tròn chục liền trước 50. Hàng thứ hai ít hơn hàng thứ nhất là hai chục ghế. Hỏi hàng thứ hai có bao nhiêu cái ghế?

Bài 4. Quan sát hình sau:



Tìm số cần điền vào dấu "?".

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Số gồm "9 chục và 7 đơn vị" viết là: .....

Câu 2. 13 là hiệu của cặp số nào dưới đây?

A. 78 và 21 **B.** 54 và 41 **C.** 27 và 10 **D.** 69 và 28

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

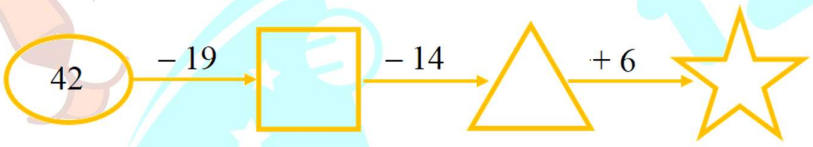


Đoạn thẳng AB dài ..... dm.

Câu 4. Cô giáo chuẩn bị 7 chục món quà cho học sinh. Đến tiết sinh hoạt lớp, cô phát quà cho cả lớp, mỗi bạn có một món quà. Biết sĩ số lớp học là 45 bạn. Hỏi cô giáo còn lại bao nhiêu món quà?

A. 70 món quà **B.** 45 món quà **C.** 25 món quà **D.** 35 món quà

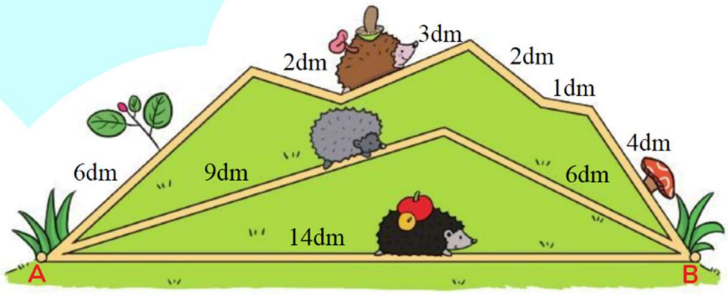
Câu 5. Điền số thích hợp vào ngôi sao:



A. 12 **B.** 13 **C.** 14 **D.** 15

Câu 6. Điền tên "Nhím Nâu, Nhím Xám, Nhím Đen" thích hợp vào chỗ trống

Quan sát hình sau và cho biết đường đi của bạn Nhím nào là ngắn nhất?

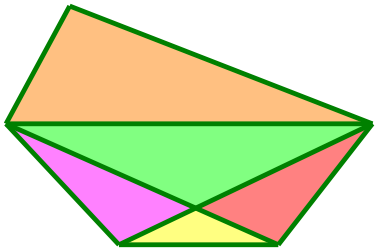


Đường đi của bạn ..... là ngắn nhất.

Câu 7. Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. 12 – 9 **B.** 16 – 8 **C.** 11 – 5 **D.** 13 – 6

Câu 8. Hình vẽ sau có mấy hình tứ giác?



A. 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 5

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

28 + 35 43 + 48 63 – 28 91 – 43

Bài 2. Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ trống:

a) 5 dm + 12 cm ..... 62 cm

b) 17 cm + 4 dm ..... 24 cm

c) 45 cm + 3 dm ..... 85 cm

Bài 3. Thúng đựng cam có 52 quả, thúng đựng quýt có nhiều hơn thúng đựng cam 18 quả. Hỏi thúng đựng quýt có bao nhiêu quả?

Bài 4. Có bao nhiêu số tự nhiên nhỏ hơn 100 và lớn hơn 10 mà tổng chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 12?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 3
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 97 **B.** 98 **C.** 99 **D.** 95

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

Số gồm 4 chục và 5 đơn vị được viết là: .....

Câu 3. Khi Tý đang làm bài tập về nhà, bạn mèo nhà Tý vô tình làm đổ mực và làm nhoè một chữ số trong phép tính sau:

$$\begin{array}{r} -\ 3\square \\ 16 \\ \hline 18 \end{array}$$

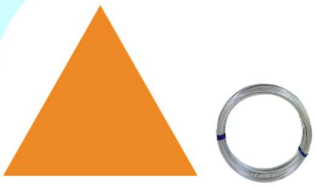
Hỏi đó là chữ số nào?

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 4. Tổng số liền trước và số liền sau của số nhỏ nhất có hai chữ số là:

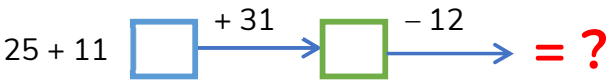
A. 20 **B.** 21 **C.** 22 **D.** 23

Câu 5. Lan dùng một sợi dây thép để uốn thành một hình có 3 cạnh đều bằng 7cm như hình dưới đây thì thấy sợ dây vừa hết. Hỏi sợi dây đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



A. 20cm **B.** 21cm **C.** 22cm **D.** 23cm

Câu 6. Số cần điền vào dấu ? là:



A. 45 **B.** 52 **C.** 39 **D.** 55

Câu 7. Số viên bi của Tùng là số liền trước của số lớn nhất có một chữ số. Tùng có ít hơn Minh 5 viên bi. Hỏi Minh có bao nhiêu viên bi?

A. 3 viên bi **B.** 7 viên bi **C.** 10 viên bi **D.** 13 viên bi

Câu 8. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian:



14 : 00	**22 : 00**	**17 : 00**

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính:

a) 54 – 7 + 21 b)67 + 9 – 34 c) 13 – 7 + 41

Bài 2. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào chỗ trống:

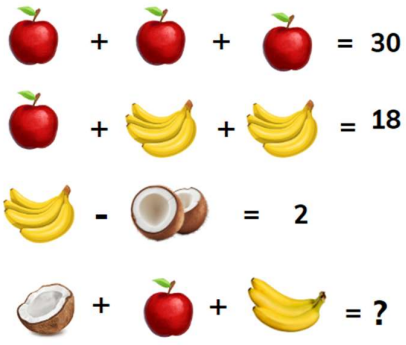
a) Hiệu của số tròn chục liền trước 90 và số lớn nhất có một chữ số là 71. ☐

b) Tổng của 8 và số lớn nhất có hai chữ số mà hàng chục là 7 là 85. ☐

c) Trong một phép tính có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu có giá trị bằng số bị trừ. ☐

Bài 3. Hôm qua, số cà chua Bình thu hoạch được là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Hôm nay, Bình thu hoạch được ít hơn hôm qua 8 quả cà chua. Hỏi hôm nay Bình thu hoạch được bao nhiêu quả cà chua?

Bài 4. Tìm kết quả thích hợp để thay thế dấu "?"



Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

97 = ... + 7

Câu 2. Số liền sau số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

A. 11 **B.** 12 **C.** 13 **D.** 14

Câu 3. Tính:

78 – 15 + 9 = ...

A. 71 **B.** 72 **C.** 73 **D.** 74

Câu 4. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số và số lớn nhất có một chữ số là:

A. 81 **B.** 76 **C.** 54 **D.** 62

Câu 5. Mẹ nuôi một đàn gà gồm 17 con, trong đó có 9 con gà trống. Hỏi mẹ nuôi bao nhiêu con gà mái?

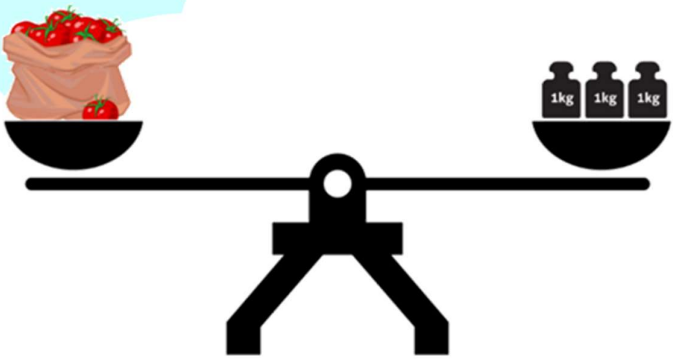
A. 7 con **B.** 8 con **C.** 9 con **D.** 10 con

Câu 6. Số thích hợp cần điền vào ô màu cam là bao nhiêu?



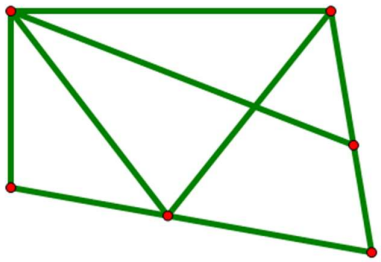
A. 35 **B.** 36 **C.** 37 **D.** 38

Câu 7. Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết cà chua nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



A. 2kg **B.** 3kg **C.** 4kg **D.** 5kg

Câu 8. Hình vẽ sau có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 5 hình **B.** 9 hình **C.** 7 hình **D.** 4 hình

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

56 + 9 74 – 8 37 + 5 80 – 6

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

1 ngày có ..... giờ.

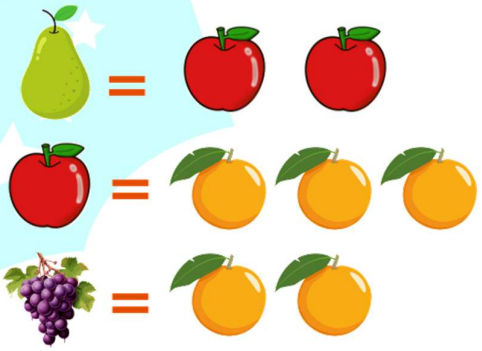
Tháng 8 có ..... ngày.

Tháng 11 có ..... ngày.

Tháng 2 có ..... hoặc ..... ngày.

Bài 3. An có 54 viên bi và có nhiều hơn Bình 15 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

Bài 4. Cô giáo có một trò chơi đổi quà như dưới đây. Biết Xoài có 6 quả lê. Nếu muốn đổi hết lê để lấy nho thì Xoài có bao nhiêu chùm nho?



Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 5
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số tròn chục có hai chữ số lớn hơn 27 và nhỏ hơn 34 là:

A. 10 **B.** 20 **C.** 30 **D.** 40

Câu 2. Trong một phép trừ, khi lấy số bị trừ trừ đi 0 thì được hiệu bằng:

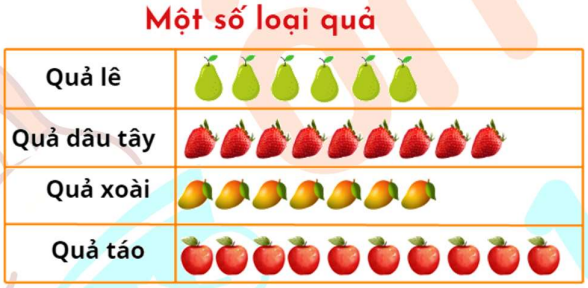
A. 0 **B.** 1 **C.** 10 **D.** Chính nó

Câu 3. Dãy số được viết theo thứ tự tăng dần là:

A. 91; 57; 58; 73; 24 **B.** 57; 58; 91; 73; 24

C. 57; 58; 24; 73; 91 **D.** 24; 57; 58; 73; 91

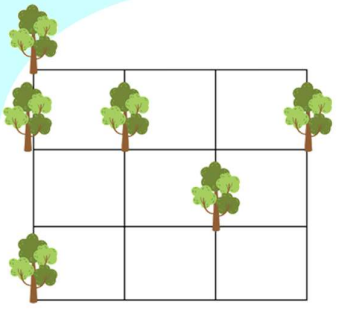
Câu 4. Quan sát biểu đồ tranh dưới đây:



Trong các loại quả trên, loại quả ít nhất là:

A. Quả dâu tây **B.** Quả lê **C.** Quả xoài **D.** Quả táo

Câu 5. Quan sát hình sau:



Cứ 3 cây thẳng hàng ta nhóm thành 1 nhóm. Vậy có tất cả số nhóm cây thẳng hàng là:

A. 2 nhóm **B.** 3 nhóm **C.** 4 nhóm **D.** 5 nhóm

Câu 6. Chủ nhật tuần này là ngày 19 tháng 8. Vậy chủ nhật tuần trước là ngày bao nhiêu tháng 8?

A. Ngày 12 **B.** Ngày 15 **C.** Ngày 21 **D.** Ngày 24

Câu 7. Trên xe buýt đang chở 35 hành khách. Tới bến đỗ thứ nhất, có 12 người xuống xe và 3 người lên xe. Hỏi lúc này trên xe buýt có bao nhiêu hành khách?

A. 17 hành khách **B.** 23 hành khách

C. 26 hành khách **D.** 20 hành khách

Câu 8. Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số mà chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 1?

A. 8 **B.** 9 **C.** 10 **D.** 11

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

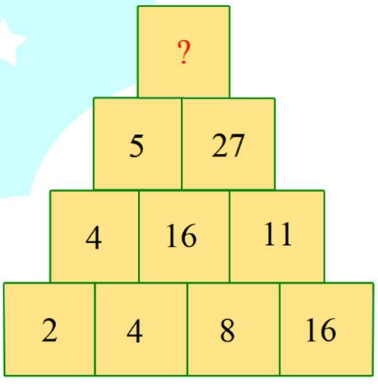
63 + 18 19 + 35 61 – 24 78 – 49

Bài 2. Nối đồng hồ với mốc thời gian thích hợp:



Bài 3. Bốn năm trước tổng số tuổi của mẹ và Tít là 43 tuổi. Hỏi hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Tít là bao nhiêu tuổi?

Bài 4. Quan sát hình dưới đây:



Em hãy tìm số thích hợp để thay thế dấu "?".

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 6
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền sau của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 97 **B.** 98 **C.** 99 **D.** 96

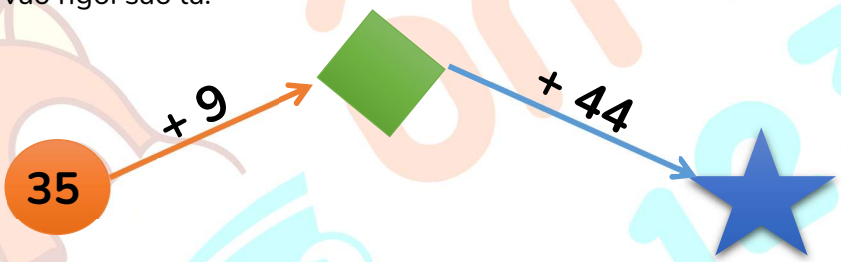
Câu 2. 21 giờ còn được gọi là:

A. 9 giờ sáng **B.** 4 giờ chiều **C.** 3 giờ chiều **D.** 9 giờ tối

Câu 3. Điền "có thể, không thể, chắc chắn" thích hợp vào chỗ trống:

Trong hộp bút của Mây có 2 bút chì và 2 bút mực. Mây lấy 1 cái bút ra khỏi hộp của mình thì Mây ..... lấy được bút chì.

Câu 4. Số cần điền vào ngôi sao là:

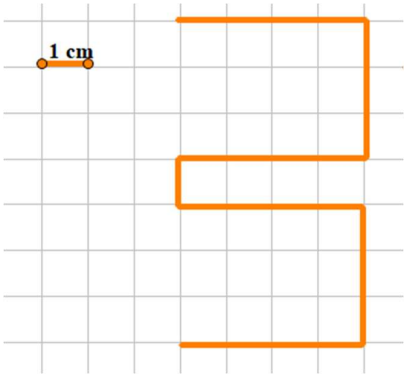


A. 88 **B.** 77 **C.** 44 **D.** 43

Câu 5. Hai anh em Bình có 15 cái kẹo. Mẹ cho thêm Bình 2 cái kẹo và cho thêm em 3 cái. Hỏi sau khi mẹ cho hai anh em có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

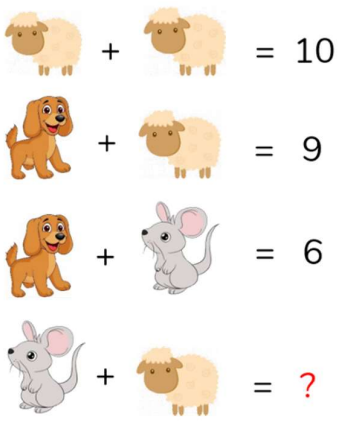
A. 17 cái kẹo **B.** 18 cái kẹo **C.** 20 cái kẹo **D.** 19 cái kẹo

Câu 6. Độ dài của đường gấp khúc có trong hình vẽ sau là:



A. 21 cm **B.** 22 cm **C.** 23 cm **D.** 24 cm

Câu 7. Số thích hợp điền vào dấu hỏi chấm là:



A. 6 **B.** 7 **C.** 8 **D.** 9

Câu 8. Mai cao hơn Hoa 2cm. Bình thấp hơn Mai 3cm. Hỏi Hoa với Bình ai cao hơn và cao hơn bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. Bình cao hơn Hoa 1cm

B. Hoa cao hơn Bình 1cm

C. Bình cao hơn Hoa 5cm

C. Hoa cao hơn Bình 5cm

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ trống:

5dm + 13cm 60cm

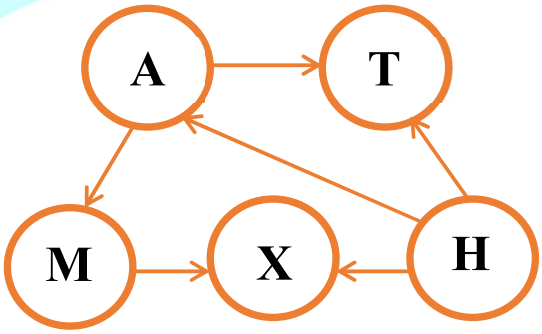
4dm + 32cm ..... 8dm – 20cm + 12cm

9dm – 40cm ..... 3dm + 38cm

Bài 2. Cho hai số có tổng là 60. Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì ta được tổng mới. Tìm tổng mới đó.

Bài 3. Năm nay Bông 4 tuổi và mẹ Bông 35 tuổi. Hỏi 8 năm nữa mẹ hơn Bông bao nhiêu tuổi?

Bài 4. Các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5 được điền vào các vòng tròn dưới đây sao cho mỗi số được điền 1 lần và mỗi vòng tròn được điền 1 số. Chiều mũi tên chỉ từ số bé đến số lớn. Tìm số được điền ở vòng tròn A.



Trả lời:.....

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	C	C	20	D	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

45 – 17	36 + 14	71 – 35	48 + 46
45	36	71	48
–	+	–	+
17	14	35	46
28	50	36	94

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

6 dm + 17 cm – 2 dm = ... cm

54 kg + 38 kg – 20 kg = ... kg

32 l + 17 l – 23 l = ... l

Lời giải

Ta có:

+) 6 dm + 17 cm – 2 dm = 60 cm + 17 cm – 20 cm = **57** cm

+) 54 kg + 38 kg – 20 kg = **72** kg

+) 32 l + 17 l – 23 l = **26** l

Bài 3. (2 điểm) Trong một bữa tiệc tri ân gặp mặt thầy cô, nhà trường yêu cầu sắp xếp ghế để tổ chức bữa tiệc, hàng thứ nhất có số ghế là số tròn chục liền trước 50. Hàng thứ hai ít hơn hàng thứ nhất là hai chục ghế. Hỏi hàng thứ hai có bao nhiêu cái ghế?

Lời giải

Số tròn chục liền trước 50 là 40.

Do đó hàng thứ nhất có 40 cái ghế.

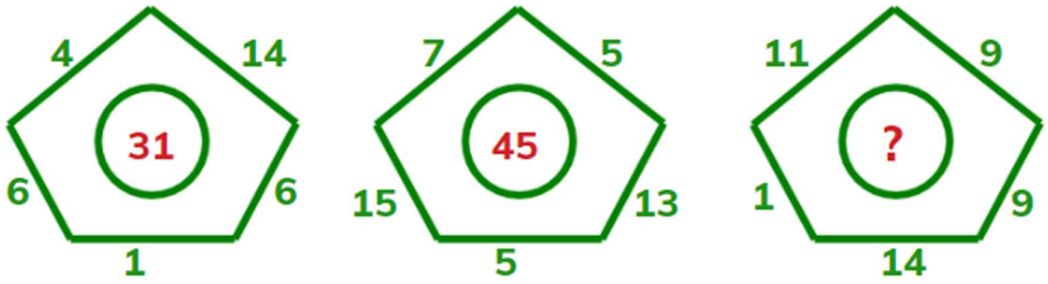
Hai chục ghế = 20 cái ghế.

Hàng thứ hai có số cái ghế là:

40 – 20 = 20 (cái ghế).

Đáp số: 20 cái ghế.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát hình sau:



Tìm số cần điền vào dấu "?".

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số cần điền vào dấu "?" là: **44.**

(Quan sát 2 hình đầu ta thấy, ở mỗi hình số ở giữa trong hình tròn bằng tổng tất cả các số bên ngoài.

Hình thứ nhất:

(4 + 6) + (14 + 6) + 1 = 10 + 20 + 1 = 31.

Hình thứ hai:

(7 + 13) + (5 + 15) + 5 = 20 + 20 + 5 = 45.

Do đó số còn thiếu điền vào chỗ trống ở hình thứ ba là:

(11 + 9) + (9 + 1) + 14 = 20 + 10 + 14 = ***44.)***

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	97	B	1	C	D	Nhím Đen	B	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

28 + 35	43 + 48	63 – 28	91 – 43
28	43	63	91
+ 35	+ 48	– 28	– 43
63	91	35	48

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào chỗ trống:

a) 5 dm + 12 cm ..... 62 cm

b) 17 cm + 4 dm ..... 24 cm

c) 45 cm + 3 dm ..... 85 cm

Lời giải

Ta có:

a) 5 dm + 12 cm = 50 cm + 12 cm = 62 cm

Vì 62 cm = 62 cm nên: 5 dm + 12 cm = 62 cm

b) 17 cm + 4 dm = 17 cm + 40 cm = 57 cm

Vì 57 cm > 24 cm nên: 17 cm + 4 dm > 24 cm

c) 45 cm + 3 dm = 45 cm + 30 cm = 75 cm

Vì 75 cm < 85 cm nên: 75 cm + 3 dm < 85 cm

Bài 3. (2 điểm) Thúng đựng cam có 52 quả, thúng đựng quýt có nhiều hơn thúng đựng cam 18 quả. Hỏi thúng đựng quýt có bao nhiêu quả?

Lời giải

Thùng đựng quýt có số quả là: 52 + 18 = 70 (quả).

Đáp số: 70 quả quýt.

Bài 4. (0,5 điểm) Có bao nhiêu số tự nhiên nhỏ hơn 100 và lớn hơn 10 mà tổng chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 12?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Có **7** số tự nhiên thoả mãn yêu cầu bài toán.

(Ta có: 12 = 9 + 3 = 8 + 4 = 7 + 5 = 6 + 6.

Có 7 số tự nhiên lớn hơn 10, nhỏ hơn 100 mà tổng các chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 12 là: 39; 93; 48; 84; 57; 75; 66.)

ĐỀ SỐ 3
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

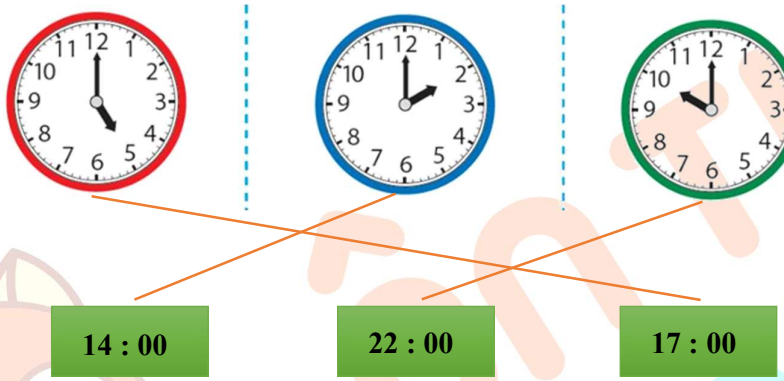
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	45	C	A	B	D	D

Câu 8.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính:

a) 54 – 7 + 21 b) 67 + 9 – 34 c) 13 – 7 + 41

Lời giải

a) 54 – 7 + 21 = 47 + 21 = 68.

b) 67 + 9 – 34 = 76 – 34 = 42.

c) 13 – 7 + 41 = 6 + 41 = 47.

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S** vào chỗ trống:

a) Hiệu của số tròn chục liền trước 90 và số lớn nhất có một chữ số là 71. ☐

b) Tổng của 8 và số lớn nhất có hai chữ số mà hàng chục là 7 là 85. ☐

c) Trong một phép tính có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu có giá trị bằng số bị trừ. ☐

Lời giải

a) Số tròn chục liền trước 90 là: 80.

Số lớn nhất có một chữ số là: 9.

Hiệu của hai số đó là: 80 – 9 = 71.

Vậy hiệu của số tròn chục liền trước 90 và số lớn nhất có một chữ số là 71. Điền Đ.

b) Số lớn nhất có hai chữ số mà chữ số hàng chục là 7 là: 79.

Tổng của 8 và số lớn nhất có hai chữ số mà hàng chục là 7 là: 8 + 79 = 87.
Vậy điền S.

c) Trong một phép tính có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu có giá trị bằng 0. Vậy điền S.

Bài 3. (2 điểm) Hôm qua, số cà chua Bình thu hoạch được là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Hôm nay, Bình thu hoạch được ít hơn hôm qua 8 quả cà chua. Hỏi hôm nay Bình thu hoạch được bao nhiêu quả cà chua?

Lời giải

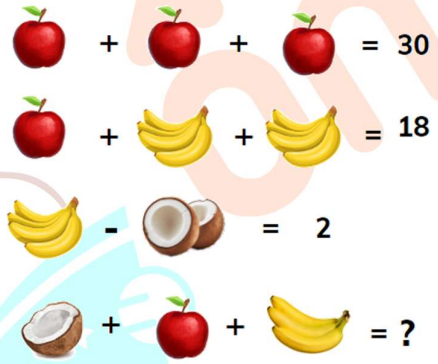
Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là: 90.

Do đó: Hôm qua Bình thu hoạch được 90 quả cà chua.

Hôm nay Bình thu hoạch được số quả cà chua là: 90 – 8 = 82 (quả).

Đáp số: 82 quả cà chua.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm kết quả thích hợp để thay thế dấu "?"



Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Kết quả thích hợp để thay thế dấu "?" là: **14.**

(Từ phép tính thứ nhất, suy ra: 1 quả táo = 10.

Từ phép tính thứ hai, suy ra: 4 quả chuối = 4 nên 1 quả chuối = 1.

Từ phép tính thứ ba, suy ra 2 nửa quả dừa = 2 nên 1 nửa quả dừa = 1.

Vậy 1 nửa quả dừa + 1 quả táo + 3 quả chuối = 1 + 10 + 3 = 14.)

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	90	B	B	A	B	D	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

56 + 9	74 – 8	37 + 5	80 – 6
56	74	37	80
+ 9	– 8	+ 5	– 6
65	66	42	74

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

1 ngày có ..... giờ.

Tháng 8 có ..... ngày.

Tháng 11 có ..... ngày.

Tháng 2 có ..... hoặc ..... ngày.

Lời giải

1 ngày có **24** giờ.

Tháng 8 có **31** ngày.

Tháng 11 có **30** ngày.

Tháng 2 có **28** hoặc **29** ngày.

Bài 3. (2 điểm) An có 54 viên bi và có nhiều hơn Bình 15 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

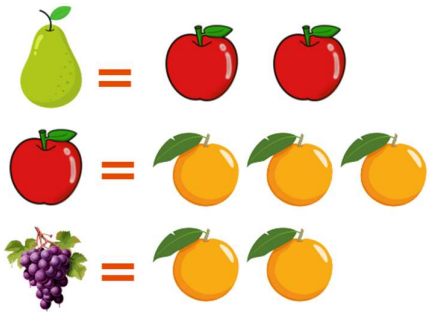
Lời giải

Bình có số viên bi là:

54 – 15 = 39 (viên bi).

Đáp số: 39 viên bi.

Bài 4. (0,5 điểm) Cô giáo có một trò chơi đổi quà như dưới đây. Biết Xoài có 6 quả lê. Nếu muốn đổi hết lê để lấy nho thì Xoài có bao nhiêu chùm nho?



Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: *Nếu muốn đổi hết lê để lấy nho thì Xoài có* ***18 chùm nho****.*

(Ta có:

+) 1 quả lê = 2 quả táo; 1 quả táo = 3 quả cam

Do đó: 1 quả lê = 3 quả cam + 3 quả cam = 6 quả cam.

+) 1 chùm nho = 2 quả cam

Mà 1 quả lê = 6 quả cam = 2 quả cam + 2 quả cam + 2 quả cam

Do đó: 1 quả lê = 3 chùm nho.

Vậy 6 quả lê = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 18 (chùm nho).)

ĐỀ SỐ 5
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

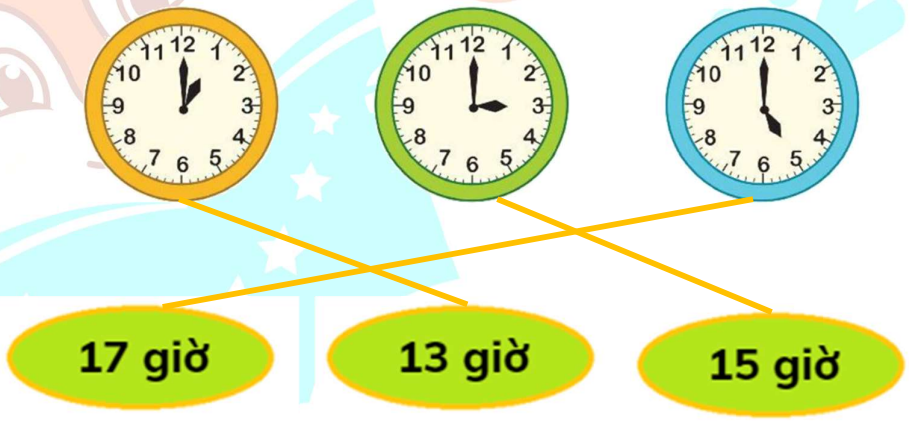
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	D	B	B	A	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

63 + 18	19 + 35	61 – 24	78 – 49
63	19	61	78
+ 18	+ 35	– 24	– 49
81	54	37	29

Bài 2. (1,5 điểm) Nối đồng hồ với mốc thời gian thích hợp:



Bài 3. (2 điểm)

Bốn năm trước tổng số tuổi của mẹ và Tít là 43 tuổi. Hỏi hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Tít là bao nhiêu tuổi?

Lời giải

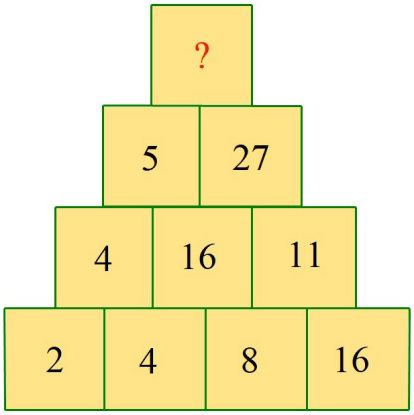
Vì mỗi năm mỗi người thêm 1 tuổi nên sau 4 năm mỗi người tăng thêm 4 tuổi.

Tổng số tuổi của mẹ và Tít hiện nay là:

43 + 4 + 4 = 51 (tuổi).

Đáp số: 51 tuổi.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát hình dưới đây:



Em hãy tìm số thích hợp để thay thế dấu "?".

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số thích hợp để thay thế dấu "?" là: **33.**

(Tổng các số ở hàng 4 là: 2 + 4 + 8 + 16 = 30.

Tổng các số ở hàng 3 là: 4 + 16 + 11 = 31.

Tổng các số ở hàng 2: 5 + 27 = 32.

Quy luật: Tổng các số ở hàng trên hơn tổng các số ở hàng dưới là 1 đơn vị.

Do đó số thay thế dấu "?" ở hàng 1 là: 33.)

ĐỀ SỐ 6
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026
Môn: Toán lớp 2
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	có thể	A	C	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ trống:

5dm + 13cm 60cm

4dm + 32cm ..... 8dm – 20cm + 12cm

9dm – 40cm ..... 3dm + 38cm

Lời giải

Ta có:

+) 5dm + 13cm = 50cm + 13cm = 63cm

Vì 63cm > 60cm nên: 5dm + 13cm > 60cm

+) 4dm + 32cm = 40cm + 32cm = 72cm

8dm – 20cm + 12cm = 80cm – 20cm + 12cm = 72cm

Vì 72cm = 72cm nên: 4dm + 32cm = 8dm – 20cm + 12cm

+) 9dm – 40cm = 90cm – 40cm = 50cm

3dm + 38cm = 30cm + 38cm = 68cm.

Vì 50cm < 68cm nên: 9dm – 40cm < 3dm + 38cm.

Bài 2. (1,5 điểm) Cho hai số có tổng là 60. Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì ta được tổng mới. Tìm tổng mới đó.

Lời giải

Thêm 19 đơn vị vào số lớn thì tổng tăng 19 đơn vị.

Bớt 7 đơn vị ở số bé thì tổng giảm 7 đơn vị.

Vậy tổng mới là: 60 + 19 – 7 = 72.

Bài 3. (2 điểm) Năm nay Bông 4 tuổi và mẹ Bông 35 tuổi. Hỏi 8 năm nữa mẹ hơn Bông bao nhiêu tuổi?

Lời giải

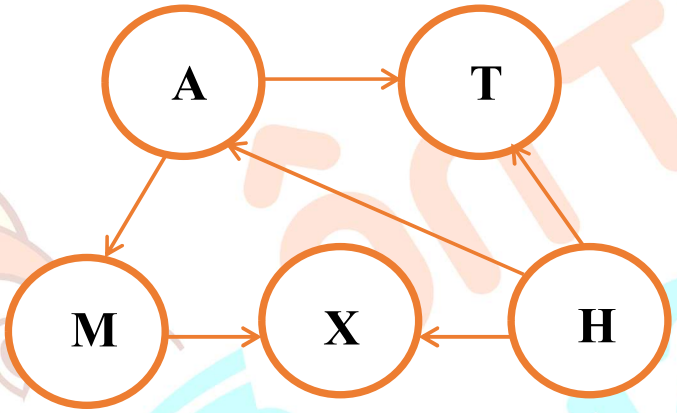
Năm nay mẹ hơn Bông số tuổi là:

35 – 4 = 31 (tuổi).

Vì mỗi năm mỗi người đều tăng thêm 1 tuổi nên hiệu số tuổi của mẹ và Bông không thay đổi qua các năm.

Vậy 8 năm nữa mẹ hơn Bông 31 tuổi.

Bài 4. (0,5 điểm) Các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5 được điền vào các vòng tròn dưới đây sao cho mỗi số được điền 1 lần và mỗi vòng tròn được điền 1 số. Chiều mũi tên chỉ từ số bé đến số lớn. Tìm số được điền ở vòng tròn A.



Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: Số cần điền ở vòng tròn A là: **2**

(Theo đề bài và chiều các mũi tên ta suy ra:

Số điền ở vòng tròn A < Số điền ở vòng tròn M < Số điền ở vòng tròn X;

Số điền ở vòng tròn H < Số điền ở vòng tròn A < Số điền ở vòng tròn T.

Vậy số điền ở vòng tròn H nhỏ nhất là 1 và số điền ở vòng tròn A nhỏ thứ hai là 2.

*Vậy số được điền ở vòng tròn A là **2**.)*